

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-PT

Ngày 14-6-2022

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐPT-HC ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trương Thị A, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh A1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/6/2021. Có mặt

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn C - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu C1 – Phó Chủ tịch. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố 9, Phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh A1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 29/10/2021.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân phường B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Nguyễn Thanh A1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau: Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16 (sau này được chỉnh lý thành thửa số 306, tờ bản đồ 16), diện tích 197,7 m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc do bà Lê Thị E khai hoang vào năm 1988, bà E sử dụng ổn định đến năm 1995 thì cho lại vợ chồng bà A, ông D. Sau khi được cho đất, bà A và ông D cất nhà ở, đến năm 2011 thì vợ chồng ông, bà về phía bên ông D sinh sống nhưng vẫn quản lý, sử dụng liên tục, có cất nhà tạm và xây dựng móng đá trên đất.

Trong suốt quá trình sử dụng thửa đất trên không có ai tranh chấp, hàng năm đều đóng thuế đầy đủ. Do đó, người khởi kiện có đủ căn cứ để Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường B xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên khi thực hiện thủ tục UBND phường B xác nhận nội dung không đúng, dẫn đến việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung xác nhận của UBND phường B làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, chính vì vậy người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy bỏ văn bản số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B về việc trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A.

2. Buộc UBND phường B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A.

Người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường B ông Nguyễn Hữu C1 trình bày: Ông vẫn bảo lưu việc xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 08/01/2021, phiếu lấy ý kiến của khu dân cư vào ngày 08/01/2021 và Công văn số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B về việc giao trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A. UBND phường B không đồng ý các yêu cầu của người khởi kiện, ngoài ra người khởi kiện cho rằng quá trình sử dụng đất đã đóng thuế đầy đủ là không đúng, ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A xuất trình các thông báo nộp thuế và các biên lai nộp

thuế là nộp thuế ở thửa đất khác cũng tại khu phố 9, phường B mà hiện nay ông D và bà A đang ở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 157, 193, 348 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 36, 64 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2019, Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A.

- Hủy bỏ văn bản số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B về việc trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A.

- Buộc UBND phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 16.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/02/2022, UBND phường B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Nguồn gốc phát sinh khiếu kiện liên quan đến nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường B, dẫn đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L ghi ý kiến “hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A. Trên cơ sở đó UBND phường B ban hành công văn số 78/UBND ngày 09/3/2021 về việc trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A. Công văn số 78/UBND là quyết định hành chính bị khiếu kiện. Đồng thời nội dung xác nhận của UBND phường B và ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L trong đơn xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ của ông D bà A cũng là QĐHC có liên quan cần xem xét. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét 02 nội dung xác nhận nêu trên là thiếu sót không khắc phục được. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 09/3/2021, UBND phường B ban hành Thông báo số 78/UBND có nội dung thông báo việc giao trả hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A. Xét thấy, Thông báo số 78/UBND do cơ quan hành chính nhà nước được giao thực hiện quản lý hành chính ban hành, nội dung có tính chất quyết định vấn đề cụ thể đó là giao trả hồ sơ xin xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với cá nhân ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A. Thông báo trên làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông D và bà A. Do đó, xác định Thông báo số 78/UBND là quyết định hành chính bị kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tại đơn kháng cáo, UBND phường B cho rằng Thông báo số 78/UBND không phải là quyết định hành chính, là chưa thỏa đáng và không đúng quy định pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, xét thấy thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Xét Thông báo số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, nên Tòa án nhân dân thị xã L thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 78/UBND, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 16/4/2020, bà Trương Thị A và ông Nguyễn Văn D nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16 (sau này được chỉnh lý thành thửa số 306, tờ bản đồ 16), diện tích 197,7m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận và được UBND phường B cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 19/TNHS.

Ngày 09/3/2021, UBND phường B ban hành Thông báo số 78/UBND về việc giao trả hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A, dựa trên cơ sở xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L ngày 22/02/2021.

[2.2] Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất:

“1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch...

...c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này...;

...d) Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký;

[2.3] Khoản 2 Điều 11a, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau:

“Trường hợp có căn cứ từ chối hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải có văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, gửi văn bản kèm theo hồ sơ cho người nộp hoặc chuyển văn bản và hồ sơ đến bộ phận một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã để trả lại cho người nộp.”

Như vậy, thẩm quyền ban hành văn bản trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc UBND phường B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Thông báo số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B, là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu buộc UBND phường B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A:

[3.1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ đã viện dẫn trên, trường hợp của ông D và bà A không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai, lẽ ra UBND phường B phải thực hiện việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch. Nhưng UBND phường lại xác nhận về tình trạng của tài sản trên đất để làm căn cứ khẳng định ông D, bà A không sử dụng đất ổn định, là chưa thực hiện đúng quy định. Cũng chính từ việc xác nhận này, dẫn đến hậu quả làm căn cứ để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L không cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà A.

[3.2] Căn cứ vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 08/01/2021 thể hiện nguồn gốc thửa đất mà ông D, bà A làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bà Lê Thị E (bà nội của bà A), năm 1995 thì tặng cho lại vợ chồng bà A, trên đất có căn nhà tạm nhưng sau đó bị sập do mưa bão, năm 2011 vợ chồng bà A phải về nhà cha mẹ chồng sinh sống đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông D, bà A đã xây dựng móng nhà; thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ quản lý đối với thửa đất trên theo như xác nhận của một số hộ dân liên kề. Đáng lẽ cần căn cứ vào các tình tiết này, UBND phường B thực hiện việc xác nhận, ghi nhận đầy đủ thông tin về nguồn gốc, tình trạng tranh chấp và thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo đúng thực tế, nhưng UBND phường không thực hiện đầy đủ, có nhầm lẫn trong việc xác định việc có nhà ở hay không để làm cơ sở xác định việc quản lý, sử dụng đất liên tục của ông D, bà A.

[3.3] Căn cứ vào Sổ mục kê đất được xác lập năm 2000 tại xã Tân Bình thì thửa đất số 138 được quy chủ cho ông Lê Hồng F (có tên gọi khác là Lê Hoàng F). Tuy nhiên, tại đơn trình bày ngày 14/01/2022 có xác nhận của chính quyền địa phương thì ông Lê Hoàng F khẳng định thửa đất số 138 không phải của ông mà của bà Lê Thị E. Việc quy chủ của UBND xã Tân Bình là có sự nhầm lẫn. Như vậy có căn cứ xác định lời trình bày về nguồn gốc đất của bà Trương Thị A là đúng.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện buộc UBND phường B, thị xã L thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 16, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận cho rằng nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường B và ý kiến của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ L trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trương Thị A là 02 quyết định hành chính cần xem xét là không phù hợp, bởi nội dung xác nhận và ý kiến nêu trên chỉ mang tính trao đổi nội bộ giữa các cơ quan hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do đó không có căn cứ chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[5] Do kháng cáo của UBND phường B không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày

08/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 157, 193, 348 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 36, 64 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2019, Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A

- Hủy bỏ văn bản số 78/UBND ngày 09/3/2021 của UBND phường B về việc trả hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A.

- Buộc Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị A đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 16.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004915 ngày 02/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thành tiền án phí phúc thẩm. Buộc Ủy ban nhân dân phường B phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trương Thị A 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004583 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về chi phí tố tụng: Người khởi kiện tự nguyện chịu 900.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/6/2022)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX. L;
- VKSND TX. L;
- Chi Cục THADS TX. L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Phước Hiệu